

# CÁC TRƯỜNG HỢP ĐƯƠNG NHIÊN MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ

NGUYỄN HUỲNH MAI TÂM QUYÊN<sup>(\*)</sup>

**Tóm tắt:** Một trong những nội dung quan trọng liên quan đến áp dụng hình phạt trong hoạt động xét xử của Tòa án là chế định miễn trách nhiệm hình sự, bao gồm các trường hợp đương nhiên miễn trách nhiệm hình sự và các trường hợp có thể miễn trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, trong thực tiễn xét xử vẫn có những vướng mắc về các trường hợp đương nhiên miễn trách nhiệm hình sự khi áp dụng hình phạt. Do đó, trong phạm vi bài viết này tác giả phân tích những vướng mắc trong việc áp dụng những quy định của pháp luật có liên quan đến các trường hợp đương nhiên miễn trách nhiệm hình sự trên thực tế và đề ra những giải pháp để hoàn thiện.

**Từ khóa:** Miễn trách nhiệm hình sự; đương nhiên miễn trách nhiệm hình sự; tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội; đại xá.

**Abstract:** One of the key issues in applying punishment in court judgment is law on exemption from criminal liability, including self-evident and plausible cases. However, in practice, there are still controversies about self-evident exemption from criminal liability. The article analyzed challenges in applying current laws on exemption from criminal liability and proposed solutions to improve current legal regulations.

**Keywords:** Exemption from criminal liability; self-evident exemption from criminal liability; incomplete crime; general amnesty.

Ngày nhận bài: 03/11/2019; Ngày sửa bài: 06/12/2019; Ngày duyệt đăng bài: 27/12/2019.

## Đặt vấn đề

Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (BLHS năm 2015) đánh dấu một bước tiến quan trọng trong tư duy lập pháp của nước ta. Tạo điều kiện tốt nhất để bảo vệ quyền con người, quyền lợi hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, giúp duy trì sự ổn định và phát triển trên tất cả lĩnh vực của đời sống xã hội.

Về cơ bản BLHS năm 2015 được sửa đổi và bổ sung một cách toàn diện theo hướng đề cao tính phòng ngừa và hướng thiện trong việc quyết định hình phạt theo đúng tinh thần Nghị quyết 49/NQ-TW ngày

02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 “Coi trọng việc hoàn thiện chính sách hình sự và thủ tục tố tụng tư pháp, đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội”<sup>(1)</sup>. Xem mục đích chính của hình phạt không phải là trừng trị mà chỉ là nhằm cải tạo, giáo dục người phạm tội thành công dân có ích cho xã hội.

Miễn trách nhiệm hình sự (MTNHS) là một trong những chế định quan trọng thể

<sup>(\*)</sup> NCS. Khoa Luật, Học viện Khoa học xã hội.

<sup>(1)</sup> Bộ Chính trị (2005), Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 2/6/2005 về Chiến lược cải cách tư pháp từ năm 2011 đến năm 2020, Hà Nội.

hiện chính sách khoan hồng, hướng thiện của Nhà nước ta đối với tội phạm. Góp phần quan trọng giúp Bộ luật hình sự (BLHS) thực hiện nhiệm vụ “bảo vệ chủ quyền quốc gia, an ninh đất nước, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, quyền con người, quyền công dân, bảo vệ quyền bình đẳng giữa đồng bào các dân tộc, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, tổ chức, bảo vệ trật tự pháp luật, chống mọi hành vi phạm tội, giáo dục mọi người ý thức tuân theo pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm” (Điều 1, BLHS năm 2015)<sup>(2)</sup>. Do đó, cần có cách hiểu và áp dụng thống nhất những quy định của pháp luật về MTNHS.

### 1. Khái niệm miễn trách nhiệm hình sự

Hiện nay trong BLHS nhà làm luật không quy định khái niệm MTNHS. Tuy nhiên, trong khoa học luật hình sự khái niệm này đã được nhiều nhà khoa học nêu ra.

Theo GS.TSKH. Lê Cẩm “Miễn trách nhiệm hình sự là một chế định nhân đạo của Luật Hình sự Việt Nam và được thể hiện bằng việc xóa bỏ hậu quả pháp lý của việc thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị Luật Hình sự cấm đối với người bị coi là có lỗi trong việc thực hiện hành vi đó”<sup>(3)</sup>.

Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam của Trường Đại học Cảnh sát Hà Nội thì: “Miễn trách nhiệm hình sự là không buộc tội một người chịu trách nhiệm hình sự về tội mà họ đã thực hiện”<sup>(4)</sup>.

GS.TS. Võ Khánh Vinh cho rằng “Miễn trách nhiệm hình sự là không buộc người phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm mà người đó đã thực hiện”<sup>(5)</sup>.

Theo tác giả Kiều Đình Thụ “Miễn trách nhiệm hình sự là không truy cứu trách nhiệm hình sự một người về việc đã thực hiện một tội phạm được quy định trong luật hình sự, thể hiện trong một văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”<sup>(6)</sup>.

Các quan điểm trên tuy không đồng nhất nhưng nhìn chung các tác giả đều không buộc người thực hiện hành vi phạm tội chịu hậu quả pháp lý về hành vi do mình gây ra”.

### 2. Quy định của Bộ luật hình sự hiện hành về những trường hợp đương nhiên miễn trách nhiệm hình sự

Trong Bộ luật Hình sự năm 2015 chế định MTNHS được quy định tại *phần chung* và *phần các tội phạm*, dựa vào nội dung của nó có thể chia làm hai trường hợp cụ thể như sau:

Đương nhiên miễn trách nhiệm hình sự được quy định ở: Điều 16; Khoản 1, Điều 29; Khoản 4, Điều 110.

Có thể miễn trách nhiệm hình sự được quy định ở: Khoản 2, 3 Điều 29; Khoản 2 Điều 91; Khoản 4, Điều 247; Khoản 7, Điều 364; Khoản 6, Điều 365; Khoản 2, Điều 390.

<sup>(2)</sup> *Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.*

<sup>(3)</sup> Lê Cẩm (2000), Về các dạng miễn trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 25, Bộ luật Hình sự năm 1999, Tòa án nhân dân, tr. 7.

<sup>(4)</sup> *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam, Phần chung* (1995), Trường Đại học Cảnh sát Hà Nội.

<sup>(5)</sup> Võ Khánh Vinh (chủ biên, 2001), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam, Phần chung*, Nxb. Giáo dục Hà Nội.

<sup>(6)</sup> Kiều Đình Thụ (1998), *Tìm hiểu Luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Đồng Nai, tr. 238.

Việc chia MTNHS ra làm hai trường hợp trên góp phần đa dạng hóa, cá thể hóa trách nhiệm hình sự ở mức cao nhất. Đảm bảo được sự công bằng và thống nhất trong việc áp dụng hình phạt đối với người phạm tội. Giúp việc áp dụng hình phạt phát huy tốt hiệu quả của mình.

Tuy nhiên, trong thực tiễn xét xử vẫn còn có vướng mắc về một số trường hợp đương nhiên MTNHS khi áp dụng hình phạt nên việc phải làm rõ những quy định của BLHS về những trường hợp này là cần thiết. Bộ luật Hình sự hiện hành quy định một số trường hợp đương nhiên MTNHS như sau:

*2.1. Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội (Đ16. BLHS năm 2015).*

Để được xem là tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội người thực hiện hành vi phạm tội phải thỏa mãn các điều kiện sau đây:

+ Việc chấm dứt hành vi phạm tội phải xuất phát từ ý thức chủ quan của người phạm tội mong muốn và tự ý thức chấm dứt việc thực hiện hành vi phạm tội dù họ hoàn toàn có khả năng tiếp tục thực hiện hành vi này đến cùng không có ai ngăn cản hoặc không ai đủ khả năng ngăn cản. Việc tự nguyện của họ có thể là do họ tự ý thức được hành vi của mình là sai trái hoặc có thể là do sợ bị pháp luật trừng trị, có thể do tự nhận thức hoặc do nghe theo lời khuyên của người khác... Dù bất cứ lý do gì dẫn đến việc họ thay đổi quyết định nhưng nếu hành vi đó là do họ tự quyết định chấm dứt việc phạm tội mà không có sự ngăn cản từ người khác thì đều được xem là tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội. Trong trường hợp việc chấm dứt hành vi phạm tội

không xuất phát từ ý thức chủ quan của họ mà đến từ những nguyên nhân khách quan khác như bị ép buộc, bị lừa dối, bị phát hiện, ngăn cản hay do những trở ngại khách quan khác đều không được xem là tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội.

+ Việc chấm dứt hành vi phạm tội phải xảy ra trong giai đoạn chuẩn bị phạm tội (như chuẩn bị kế hoạch, các công cụ, phương tiện...) hoặc đã thực hiện hành vi phạm tội nhưng chưa hoàn thành chuỗi hành vi đó. VD: A và B có tư thù với nhau. A có ý định giết B nên mua một khẩu súng định bắn chết B. Tuy nhiên, trong lúc A chuẩn bị bắn B thì thấy đứa con nhỏ của B chạy tới ôm B. Cảm động trước tình cha con nên A đã suy nghĩ lại và bỏ về. Hành động này của A được xem là tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội.

Cũng cần lưu ý là người tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội được MTNHS về tội định phạm nhưng nếu hành vi của họ đủ yếu tố cấu thành tội khác thì họ vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm phải. Tại ví dụ trên mặc dù A đã kịp thời tự mình chấm dứt việc thực hiện hành vi bắn B gây thương tích (hoặc chết), nên A không phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tội danh tương tự. Tuy nhiên, việc mua và giữ súng của A đã phạm vào tội tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng theo quy định tại Điều 304 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 nên A vẫn bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội này.

*2.2. Khi tiến hành điều tra, truy tố hoặc xét xử, do có sự thay đổi chính sách, pháp luật làm cho hành vi phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa (Điểm a Khoản 1, Điều 29 Bộ luật Hình sự năm 2015).*

Theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 29 thì người phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự trong trường hợp này phải thỏa mãn hai điều kiện sau:

*Thứ nhất:* Khi tiến hành điều tra, truy tố hoặc xét xử, do có sự thay đổi chính sách pháp luật.

*Thứ hai:* Việc thay đổi chính sách pháp luật đó làm cho hành vi phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa.

Tội phạm mang tính lịch sử, nghĩa là tùy vào tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước trong các giai đoạn cụ thể mà Nhà nước có những chính sách pháp luật khác nhau. Cùng một hành vi nhưng có thể ở giai đoạn này nó được xem là tội phạm nhưng ở giai đoạn khác lại không phải là tội phạm. Những hành vi phạm tội thực hiện trước khi có sự thay đổi về chính sách pháp luật và những cơ quan tiến hành tố tụng (Cơ quan cảnh sát điều tra, Viện Kiểm sát, Tòa án) đang xem xét điều tra, truy tố, xét xử để buộc họ phải chịu TNHS nhưng trong quá trình đó có sự thay đổi chính sách, pháp luật làm cho hành vi đó không còn nguy hiểm cho xã hội nữa thì người thực hiện nó cũng sẽ được MTNHS. VD: Theo quy định của Hiến pháp năm 2013 và Luật Doanh nghiệp năm 2014 thì người dân, doanh nghiệp được đầu tư, kinh doanh những gì mà pháp luật không cấm. Trên cơ sở đó, BLHS năm 2015 bỏ đi tội kinh doanh trái phép được quy định trong Điều 159 BLHS năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 do có sự thay đổi trong chính sách pháp luật của Nhà nước ta. Vì vậy, nếu những người thực hiện hành vi phạm tội này từ trước khi BLHS năm 2015 có hiệu lực pháp luật

nhưng vẫn trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử thì các cơ quan tiến hành tố tụng phải căn cứ điều luật quy định để MTNHS đối với những người thực hiện hành vi phạm tội này.

Nếu trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử có sự thay đổi chính sách pháp luật nhưng việc thay đổi này không làm cho hành vi phạm tội đó mất đi tính nguy hiểm cho xã hội thì người thực hiện hành vi phạm tội vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự. Nghĩa là sự thay đổi này phải đi đến kết quả là làm cho hành vi phạm tội đó không còn nguy hiểm cho xã hội nữa dù trước đó hành vi đó là hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng sau khi có sự thay đổi chính sách pháp luật thì hành vi này đã mất đi tính nguy hiểm cho xã hội thì người thực hiện hành vi đó mới được miễn trách nhiệm hình sự. Việc hành vi đó không còn nguy hiểm cho xã hội nữa được hiểu là không nguy hiểm để được xem là tội phạm nhưng có thể vẫn vi phạm những quy định khác của pháp luật như pháp luật về dân sự, hành chính...

Để xác định một hành vi có còn nguy hiểm cho xã hội hay không, có phải là tội phạm hay không không phải chỉ dựa vào quan điểm hay nhận thức cảm tính của những người tiến hành tố tụng mà phải dựa vào những quy định của Nhà nước có liên quan đến hành vi phạm tội như Hiến pháp, Luật, Pháp lệnh, những quy định của pháp luật hình sự.

Khi có quyết định đại xá (Điểm b, Khoản 1, Điều 29 BLHS năm 2015)

Hiện nay ngoài việc quy định thẩm quyền quyết định đại xá thuộc về Quốc hội theo quy định tại Khoản 11, Điều 69, Hiến

pháp năm 2013<sup>(7)</sup> không có văn bản pháp luật nào quy định khái niệm, cách thức, nội dung, trình tự, thủ tục hay điều kiện để được đại xá.

*2.3. Người đã nhận làm gián điệp, nhưng không thực hiện nhiệm vụ được giao và tự thú, thành khẩn khai báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thì được miễn trách nhiệm hình sự về tội này (Khoản 4, Điều 110 Bộ luật Hình sự năm 2015).*

Làm gián điệp là một hành vi gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm an ninh quốc gia, sự vững mạnh của hệ thống chính quyền Nhà nước. Tội gián điệp thể hiện qua các hành vi sau:

- Hoạt động tình báo, phá hoại hoặc gây cơ sở để hoạt động tình báo, phá hoại chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Gây cơ sở để hoạt động tình báo, phá hoại theo sự chỉ đạo của nước ngoài; hoạt động thám báo, chỉ điểm, chứa chấp, dẫn đường hoặc thực hiện hành vi khác giúp người nước ngoài hoạt động tình báo, phá hoại;

- Cung cấp hoặc thu thập nhằm cung cấp bí mật Nhà nước cho nước ngoài; thu thập, cung cấp tin tức, tài liệu khác nhằm mục đích để nước ngoài sử dụng chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Theo nội dung của điều luật, người phạm tội được MTNHS khi thỏa mãn ba điều kiện sau:

*Thứ nhất:* Đã nhận làm gián điệp cho các cơ quan, tổ chức nước ngoài nhưng không thực hiện nhiệm vụ được giao.

*Thứ hai:* Tự thú.

*Thứ ba:* Thành khẩn khai báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Nếu người nhận làm gián điệp đã thực hiện một phần hay toàn bộ nhiệm vụ được giao sau đó mới tự thú, thành khẩn khai báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì không được MTNHS. Cũng cần phải phân biệt việc tự thú và thành khẩn khai báo là hai vấn đề hoàn toàn khác nhau. Người nhận làm gián điệp dù không thực hiện nhiệm vụ được giao, đã đi tự thú nhưng trong quá trình khai báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền họ có hành vi quanh co, che giấu nội dung, tình tiết sự việc, khai báo không thành khẩn, gây khó khăn cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc xác minh thông tin chính xác... thì sẽ không được MTNHS. Việc MTNHS cho người nhận làm gián điệp chỉ có thể xảy ra nếu như hành vi của họ thỏa mãn ba điều kiện trên.

Nhà nước ta có đường lối xử lý đối với tội này rất nghiêm khắc với mức án cao nhất lên đến tử hình. Song song với việc xử lý cực kỳ nghiêm khắc với những hành vi phạm tội gián điệp pháp luật cũng có chính sách khoan hồng đối với những người không thực hiện nhiệm vụ mà tự thú nhằm góp phần đấu tranh phòng loại tội phạm nguy hiểm này đồng thời cũng thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước đối với những người phạm tội nhận thức được sai lầm, biết ăn năn, hối cải thành khẩn khai báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

<sup>(7)</sup> Hiến pháp năm 2013.

### 3. Thực tiễn áp dụng và vướng mắc

Những quy định của BLHS năm 2015 về các trường hợp đương nhiên MTNHS về cơ bản chặt chẽ. Tuy nhiên, trong thực tiễn áp dụng vẫn còn một số trường hợp có những vướng mắc như sau:

#### 3.1. Đối với trường hợp miễn trách nhiệm hình sự theo quy định do tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội

Tại Điều 16, BLHS năm 2015 chỉ quy định việc áp dụng biện pháp này đối với người thực hành mà không quy định các trường hợp được áp dụng đối với người tổ chức, người xúi giục, người giúp sức trong trường hợp có đồng phạm. Hiện nay cũng không có văn bản quy phạm pháp luật nào hướng dẫn áp dụng việc MTNHS đối với các loại người đồng phạm nêu trên theo quy định tại Điều 16 BLHS năm 2015 như thế nào. Trong thực tiễn xét xử khi xem xét áp dụng pháp luật đối với biện pháp này trong trường hợp có đồng phạm, Tòa án vẫn căn cứ vào tinh thần hướng dẫn tại Nghị quyết số 01-HĐTP-NQ ngày 19/4/1989 của Tòa án nhân dân Tối cao để xem xét và quyết định trong từng trường hợp cụ thể<sup>(8)</sup>.

Tuy nhiên, như thế là chưa đảm bảo quy định của pháp luật, không phù hợp với yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền. Bởi Nghị quyết 01-HĐTP-NQ ngày 19/4/1989 còn hiệu lực, không hướng dẫn BLHS năm 2015 và Nghị quyết cũng không thể hướng dẫn điều mà BLHS không quy định.

#### 3.2. Đối với trường hợp miễn trách nhiệm hình sự khi có quyết định đại xá

Điểm b, Khoản 1, Điều 29 BLHS năm 2015 quy định người phạm tội được

MTNHS khi có quyết định đại xá. Theo quy định tại Khoản 11, Điều 69 hiến pháp năm 2013 thẩm quyền quyết định việc đại xá thuộc về Quốc hội.

Trên thực tiễn, nhận thấy từ năm 1945 đến nay Nhà nước ta mới chỉ ban hành quyết định đại xá hai lần. Cụ thể:

Lần thứ nhất là vào năm 1945 sau khi đánh thắng đế quốc Nhật, chấm dứt chế độ quân chủ chuyên chế thành lập Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Chủ tịch Chính phủ Lâm thời ban hành Sắc lệnh số 52 ngày 20/10/1945 quy định: *Những người vì chiến đấu cho nền độc lập của nước Việt Nam mà đã bị kết án trước ngày 19 tháng 8 dương lịch năm 1945 như là chính trị phạm hay thường phạm đều được xá tội (Điều thứ 2); Những khinh tội phạm trước ngày 19 tháng 8 năm 1945 mà Tòa án đã xử phạt tiền, hoặc tù án treo, hoặc cả hai thứ hình phạt đó, đều được xá miễn (Điều thứ 3); Những tội được xá miễn đều coi như không phạm bao giờ; quyền công tố sẽ tiêu huỷ, những chính hình và phụ hình mà toà án đã tuyên đều bỏ hết. Nhưng những tiền phạt hoặc án phí mà công khố đã thu của tội nhân rồi thì không hoàn lại nữa. Những của cải đã tịch biên và phạt mại rồi cũng không có quyền đòi bồi thường (Điều thứ 4); Cấm tất cả các công chức hành chính pháp và các thẩm phán viên không được nhắc đến, hoặc trong hồ sơ một vết tịch gì về những tội đã được xá. Tuy nhiên những*

<sup>(8)</sup> Tòa án nhân dân Tối cao (1989), Nghị quyết 01/HĐTP ngày 16/11/1989 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao *Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự.*

bản chính của các án văn bản phải là các phòng lục sự (Điều thứ 6)<sup>(9)</sup>.

- Lần thứ hai là vào năm 1954 sau khi đánh thắng thực dân Pháp, giải phóng hoàn toàn miền Bắc, Thủ tướng Chính phủ ban hành Thông tư số 413/TTg ngày 09/11/1954. Theo thông tư: *không kể những kẻ đã hợp tác với đối phương trong thời gian chiến tranh, đã được Chính phủ tha, hoặc miễn truy tố và cho hưởng quyền tự do, dân chủ (Sắc lệnh số 218-SL ngày 01/10/1954) nói chung các tội phạm bị Tòa án truy tố và xét xử từ Cách mạng tháng Tám đến ngày 9/10/1954 là ngày giải phóng Thủ đô đều được đại xá. Tuy nhiên, để bảo vệ tài sản của nhân dân, gìn giữ trật tự an ninh, những tên thuộc vào ba loại nguy hiểm sau đây không được đại xá: 1. Bọn có nợ máu nhiều đối với nhân dân, đã tra tấn giết người một cách dã man (như mổ bụng đàn bà có chửa, bửa đầu người, ngấm ngấm thủ tiêu nhiều người lương thiện) nhân dân rất oán ghét; 2. Côn đồ chưa chịu thực sự cải tạo, hiện chưa học được nghề gì để sinh sống lương thiện; 3. Địa chủ cường hào gian ác đã bị đấu và xử phạt trong các đợt phát động quần chúng giảm tô và cải cách ruộng đất<sup>(10)</sup>.*

Căn cứ vào Điểm b, Khoản 1, Điều 29 BLHS năm 2015 và những lần Nhà nước ta ra quyết định đại xá trước đây có thể hình dung về đại xá như sau:

Đại xá là một quyết định đặc biệt do Quốc hội ban hành theo những trình tự, thủ tục nhất định để MTNHS cho một số tội phạm khi có những sự kiện quan trọng của đất nước.

Dựa vào văn bản đại xá của Quốc hội

người được đại xá sẽ được MTNHS hoàn toàn trong bất cứ giai đoạn nào của quá trình tố tụng và thi hành án, người được đại xá sẽ được miễn cả hình phạt chính và hình phạt phụ, không phải chịu án tích.

Do không có những văn bản pháp luật quy định đầy đủ về những vấn đề liên quan đến đại xá như khái niệm, cách thức, nội dung, hay điều kiện để được đại xá nên rất khó cho cơ quan tiến hành tố tụng trong việc hiểu và áp dụng quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 29 BLHS năm 2015. VD như: Thế nào là đại xá? người được đại xá sẽ được miễn trách nhiệm hình sự từ giai đoạn nào? Khi được đại xá người đó có được miễn hình phạt phụ không? có phải chịu án tích không?

#### 4. Đề xuất và kiến nghị

Để việc miễn trách nhiệm hình sự được hiểu và áp dụng thống nhất, góp phần nâng cao hiệu quả của áp dụng hình phạt, cần hoàn thiện những quy định về miễn trách nhiệm như sau:

*Đối với trường hợp miễn trách nhiệm hình sự theo quy định do tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội*

Cần quy định các điều kiện MTNHS đối với người tổ chức, người xúi giục và người giúp sức. Trên thực tế nhận thấy nội dung những quy định miễn trách nhiệm hình sự đối với người tổ chức, người xúi giục, người giúp sức theo quy định tại Nghị quyết số 01-HĐTP-NQ ngày 19/4/1989 của Tòa án nhân dân Tối cao là phù hợp. Tuy nhiên, nội dung này cần phải được hợp pháp hóa bằng quy định có hiệu lực của pháp luật.

<sup>(9)</sup> Sắc lệnh số 52 ngày 20/10/1945.

<sup>(10)</sup> Tòa án nhân dân Tối cao (1975). *Tập hệ thống hóa luật lệ về hình sự.*

Do đó, cần bổ sung Điều 16 BLHS năm 2015 như sau: “Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội là tự mình không thực hiện tội phạm đến cùng hoặc có những hành động tích cực nhằm ngăn chặn không để tội phạm xảy ra, tuy không có gì ngăn cản.

Người tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự về tội định phạm; nếu hành vi thực tế đã thực hiện có đủ yếu tố cấu thành của một tội khác, thì người đó phải chịu trách nhiệm hình sự về tội này”

*Đối với trường hợp miễn trách nhiệm hình sự khi có quyết định đại xá*

Để đảm bảo hoàn thiện chế định MTNHS nói chung và những quy định pháp luật có liên quan đến MTNHS trong các trường hợp cụ thể nói riêng cần được luật hóa những quy định về khái niệm, cách thức, nội dung, trình tự, thủ tục và điều kiện để được đại xá bằng một luật riêng. Đồng thời, để xác định người phạm tội được MTNHS khi có quyết định đại xá từ giai đoạn nào cần bổ sung vào Điểm b, Khoản 1, Điều 29 BLHS năm 2015 nội dung sau: “Khi tiến hành điều tra, truy tố, xét xử người phạm tội có quyết định đại xá”.

### Kết luận

MTNHS trong đó có việc đương nhiên MTNHS là một chế định thể hiện sự nhân đạo, chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với những người kịp thời nhận ra hành vi sai trái, tự nguyện chấm dứt hành vi phạm tội, góp phần ngăn chặn những hậu quả nguy hiểm có thể xảy ra cho xã hội. Do đó, việc hoàn thiện pháp luật để hiểu và áp dụng thống nhất những quy định về đương nhiên MTNHS trong chế định này sẽ góp phần nâng cao tính chính xác, nâng cao

hiệu quả của việc áp dụng hình phạt bảo vệ hiệu quả quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (2005), Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 2/6/2005 về Chiến lược cải cách tư pháp từ năm 2011 đến năm 2020, Hà Nội.
2. Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.
3. Bộ luật Hình sự năm 1999, Hà Nội.
4. Lê Cẩm (2000), Về các dạng miễn trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 25 Bộ luật Hình sự năm 1999, Tòa án nhân dân.
5. Sắc lệnh số 52 ngày 20/10/1945.
6. Giáo trình Luật hình sự Việt Nam, Phần chung (1995), Trường Đại học Cảnh sát Hà Nội.
7. Tòa án nhân dân Tối cao (1975), Tập hệ thống hóa luật lệ về hình sự.
8. Tòa án nhân dân Tối cao (1989), Nghị quyết 01/HĐTP ngày 16/11/1989 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự.
9. Tòa án nhân dân Tối cao (2000), Nghị quyết 01/2000/NQ-HĐTP ngày 4/8/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần chung của Bộ luật Hình sự năm 1999.
10. Kiều Đình Thụ (1998), Tìm hiểu Luật hình sự Việt Nam, Nxb. Đồng Nai.
11. Võ Khánh Vinh (chủ biên, 2001), Giáo trình Luật hình sự Việt Nam, Phần chung, Nxb. Giáo dục Hà Nội.